

**Số: 726/2022/QĐST- HNGĐ**

*Đông Anh, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 671/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/01/1999, căn cước công dân số 027199000xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 23/10/2020.

Hộ khẩu thường trú: Tập thể ML, xã ML, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; và nơi ở: Thôn TT, xã TQ, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh.

*Bị đơn:* Anh Trần Hữu Thanh T1, sinh ngày 30/8/1988, căn cước công dân số 001088044xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 13/11/2021.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tập thể ML, xã ML, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Hữu Thanh T1.

**2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là: Trần Yến T2, sinh ngày 25/7/2017 và Trần Yến C, sinh ngày 06/8/2019. Ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C còn anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T, anh T1 đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thoả thuận để chị T chịu cả nhưng được trừ vào 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã ML, huyện ĐA, Hà Nội (GCN kết hôn quyền số xx/2017 ngày 15/02/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Thanh**